

Số: **806** /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày **15** tháng **6** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, quản lý, sử dụng tài sản công của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; quản lý, sử dụng tài sản công của Bộ Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Tổ chức cán bộ; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. luu

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- KBNN nơi giao dịch;
- Lưu VT, KHTC.



Bùi Phạm Khánh

**PHÂN CẤP
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VIỆC MUA SẮM TÀI SẢN, HÀNG HÓA,
DỊCH VỤ; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
CỦA BỘ XÂY DỰNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 806 /QĐ-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phân cấp này quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; quản lý, sử dụng tài sản công của Bộ Xây dựng, gồm:

1. Thẩm quyền quyết định nội dung mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính.

2. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Phân cấp này không áp dụng đối với các trường hợp:

- Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc các Chương trình, Chương trình mục tiêu, Đề án, Đề tài, Dự án;

- Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp Bộ của Bộ Xây dựng và cấp Quốc gia;

- Mua sắm tập trung thuộc tại Bộ Y tế và các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

- Mua sắm trang thiết bị, phương tiện đặc thù, chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Bộ, gồm: Các đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc Bộ Xây dựng; các Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước do Bộ trưởng quyết định thành lập (*sau đây gọi tắt là các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng*).

Điều 3. Thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng

1. Quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước; 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 1.000 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 4).

2. Quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị.

3. Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước đối với các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định của pháp luật, có giá trị thuê 100 triệu đồng trở lên/1 tháng (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4).

4. Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản khác đối với đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng tài sản công thuộc trường hợp khoán bắt buộc theo quy định tại Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Mục 2 Chương II Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc Bộ.

6. Phê duyệt chủ trương xử lý tài sản tại các đơn vị trực thuộc Bộ, gồm:

a) Thu hồi tài sản (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

b) Bán tài sản có nguyên giá 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 500 triệu đồng trở lên/01 lần bán tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp);

c) Thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 1.000 triệu đồng trở lên/01 thanh lý tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trường hợp Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

d) Tiêu hủy tài sản với tổng nguyên giá 500 triệu đồng trở lên/01 lần tiêu hủy;

đ) Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Tài sản có nguyên giá 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 500 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 1.000 triệu đồng trở lên/01 lần xử lý tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị).

7. Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ban Quản lý dự án do Bộ trưởng quyết định thành lập.

8. Phê duyệt Đề án/phương án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

9. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung và xe chuyên dùng sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

10. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các đơn vị trực thuộc Bộ đối với các tài sản có nguyên giá 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước

và từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4).

11. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng đối với các đơn vị hành chính trực thuộc Bộ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

12. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 9 tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 7 Điều 4).

13. Quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản có nguyên giá từ 100 triệu đồng trở lên/01 lần xác lập quyền sở hữu tài sản cho đơn vị quản lý, sử dụng (theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

14. Quyết định giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng cho tổ chức chủ trì (đơn vị trực thuộc Bộ) đối với tài sản có nguyên giá 100 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản và 500 triệu đồng trở lên/01 lần giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản. Riêng đối với tài sản là xe ô tô và tài sản khác có nguyên giá 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng đơn vị

1. Quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước; dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 1.000 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 7 Điều 4).

2. Quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị (riêng đối với dịch vụ, thuê mướn, bảo vệ... do Thủ trưởng đơn vị quyết định lựa chọn hình thức chi trả theo tháng, quý, năm nhưng giá trị không quá 100 triệu đồng/1tháng cho 01 lần mua sắm dịch vụ, thuê mướn, bảo vệ...); tự quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước của đơn vị, có giá trị thuê dưới 100 triệu đồng/1 tháng (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 4); tự quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các tài sản khác từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp và nguồn thu khác của đơn vị theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, máy móc, thiết bị và tài sản khác đối với đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng tài sản công nhưng không thuộc trường hợp khoán bắt buộc (thực hiện theo quy định tại Điều 39 Mục 1 Chương III Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công).

5. Quyết định điều chuyển tài sản trong nội bộ đơn vị.

6. Phê duyệt chủ trương xử lý tài sản tại đơn vị, gồm:

a) Bán tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 500 triệu đồng/01 lần bán tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước;

b) Bán tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

c) Thanh lý tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 500 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản và 1.000 triệu đồng/01 lần thanh lý tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô và trừ trường hợp Chủ đầu tư quyết định thanh lý, phá dỡ nhà cửa, vật kiến trúc trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt);

d) Tiêu hủy tài sản với tổng nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 lần tiêu hủy;

đ) Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại: Tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 500 triệu đồng/01 lần xử lý tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước; tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 1.000 triệu đồng/01 lần xử lý tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị).

7. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư trực thuộc Bộ quyết định:

a) Mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Thuê tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

d) Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp tại đơn vị theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 9 tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

8. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các tài sản có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 7 Điều 4).

9. Quyết định xác lập quyền sở hữu tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 lần xác lập quyền sở hữu tài sản cho đơn vị quản lý, sử dụng (theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân).

10. Quyết định giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tổ chức chủ trì (đơn vị trực thuộc Bộ) đối với tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và dưới 500 triệu đồng/01 lần giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính:

a) Chủ trì thẩm định các nội dung nêu tại Điều 3, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

b) Chủ trì có ý kiến đối với Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập dùng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định tại Mục 2, Chương III Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân cấp của các đơn vị trực thuộc Bộ theo quy định này.

d) Tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về phân cấp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các Vụ chức năng:

Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Vụ Tổ chức cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính thẩm định các nội dung nêu tại Điều 3, trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng:

a) Ban hành sau khi có ý kiến tham gia bằng văn bản của Vụ Kế hoạch - Tài chính: Quy định cụ thể danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng, xử lý tài sản theo quy định tại Điều 4 phân cấp này.



b) Chịu trách nhiệm toàn diện trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo phân cấp.

c) Thực hiện việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

d) Tổ chức mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định tại phân cấp này.

đ) Thực hiện hạch toán, thống kê, ghi nhận thông tin, báo cáo, công khai tài sản công theo quy định tại Chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Phân cấp này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để được hướng dẫn hoặc xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định và thực tế./ *LM*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
BỘ XÂY DỰNG
Bùi Phạm Khánh

